

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục gồm 09 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ và 03 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-BNV ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1941/TTr-SNV ngày 21 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm 09 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ và 03 thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, Ban Quản lý

Khu kinh tế tỉnh trong lĩnh vực lao động, tiền lương theo Quyết định số 321/QĐ-BNV ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ (*Phụ lục I, II kèm theo*).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ các nội dung sau:

a) Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục và quy trình nội bộ gồm 02 thủ tục hành chính mới; 05 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận và 01 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Phụ lục I Quyết định 209/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục gồm 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, 01 thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực lao động, tiền lương, quan hệ lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Phần I Mục B Phụ lục I Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục gồm 23 thủ tục hành chính mới; 04 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; 28 thủ tục hành chính bãi bỏ và quy trình nội bộ giải quyết 23 thủ tục hành chính mới và 04 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện cập nhật, công khai thủ tục hành chính được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Điều 1 của Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, niêm yết, công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết đối với các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan niêm yết, công khai thủ tục hành chính số 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định này trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, theo dõi và kiểm tra việc tổ chức thực hiện công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện niêm yết, công khai thủ tục hành chính số 9 Phụ lục I kèm theo Quyết định này tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, trên Trang thông tin điện tử theo quy định.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ - Cục Kiểm soát TTHC;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- VP UBND tỉnh (Phòng HCQT, KGVX);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

PHỤ LỤC I**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
01	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp 2.001955.000.00.00.H21	07 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký).	- Nộp hồ sơ qua hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.gialai.gov.vn) hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trong đó: + Người sử dụng lao động đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh (trừ Khu công nghiệp và Khu kinh tế của tỉnh) sử dụng từ 10 người lao động trở lên thì nộp hồ sơ Đăng ký nội quy lao động tại Quầy Sở Nội vụ. + Người sử dụng lao động đăng ký kinh doanh tại Khu công nghiệp và Khu kinh tế của tỉnh sử dụng từ 10 người lao động trở lên thì nộp hồ sơ Đăng ký nội quy lao động tại Quầy Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. - Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai.	Không	- Bộ luật Lao động năm 2019. - Nghị quyết số 190/2025/QH15. - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
02	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động 1.000414.000.00.00.H21	- 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với việc chấp thuận rút tiền ký quỹ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - 01 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với việc cho doanh nghiệp	- Nộp hồ sơ trực tiếp đến Ngân hàng nhận ký quỹ hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.gialai.gov.vn) hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nội vụ).	Không	- Nghị quyết số 190/2025/QH15. - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.

		cho thuê lại rút tiền ký quỹ của Ngân hàng nhận ký quỹ.	- Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai. - Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh. - Thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.		
03	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động <i>1.000436.000.00.00.H21</i>	Đối với trường hợp chấm dứt hoạt động cho thuê lại theo đề nghị của doanh nghiệp cho thuê lại; doanh nghiệp giải thể hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản: 17 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của doanh nghiệp).			
04	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động <i>1.000448.000.00.00.H21</i>	- Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp (gồm: tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp); giấy phép bị mất; giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép: 22 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). - Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép: 27 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).	- Nộp hồ sơ qua hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.gialai.gov.vn) hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nội vụ). - Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai. - Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh. - Thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Không	- Nghị quyết số 190/2025/QH15. - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.

05	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động 1.000464.000.00.00.H21	22 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).	Nộp hồ sơ qua hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.gialai.gov.vn) hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nội vụ). Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai. Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh. Thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Không	- Nghị quyết số 190/2025/QH15 . - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ . - Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ . - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.
06	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động 1.000479.000.00.00.H21	27 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).			- Bộ luật Lao động 2019. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ. - Nghị quyết số 190/2025/QH15. - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
07	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể 1.009466.000.00.00.H21	20 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).			
08	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể 1.009467.000.00.00.H21	07 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).			
09	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a 1.004964.000.00.00.H21	25 ngày làm việc (số ngày cụ thể được thể hiện chi tiết tại các bước của trình tự thực hiện).	- Nộp hồ sơ qua hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.gialai.gov.vn) hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã. - Cơ quan phối hợp: UBND cấp huyện, Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh. - Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. - Nghị quyết số 190/2025/QH15. - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ. - Thông tư liên tịch số 17/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 01/8/2014 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính. - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày

					14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ. - Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg ngày 04/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.
--	--	--	--	--	---

PHỤ LỤC II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ, BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Ghi chú
1. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ				
01	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu 1.004949.000.00.00.H21	Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 16/08/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục chính	
02	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II, hạng III) 2.001949.000.00.00.H21			
2. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh				
03	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh		Thủ tục hành chính này được thực hiện theo thủ tục hành chính số 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định này